

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Thanh Nhân

Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà X, tổ K, khu phố S, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà X, tổ K, khu phố S, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Trọng P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1999, nhưng do mất giấy tờ nên đã đăng ký kết hôn lại theo ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/2015, quyền số 02/2015. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2010 cho đến

nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập, gây thương tích cho bà H và đập phá đồ đạc trong nhà. Ông P thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày mới trở về nhà, không phụ giúp chăm lo cho gia đình, con cái với bà H. Bà H và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo ông P sửa đổi bản thân để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng ông P không nghe, không hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà H. Hiện tại vợ chồng bà H chưa sống ly thân nhưng ông P không ở nhà thường xuyên, mỗi lần về nhà là đánh bà H không có lý do nên bà H rất lo sợ bị bạo hành về thể xác và tinh thần. Bà H và ông P không còn yêu thương, chăm sóc nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà H muốn ly hôn với ông P để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng P có 02 người con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/01/1991 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/4/1993. Các con chung đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp về ly hôn; bị đơn có địa chỉ tại khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trọng P tự nguyện kết hôn đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào năm 1999, nhưng do mất giấy tờ nên đã đăng ký kết hôn lại

theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/2015, quyển số 02/2015, ngày 31/12/2015. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn với ông P vì bà cho rằng từ cuối năm 2010 cho đến nay giữa bà và ông P đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do ông P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh đập, gây thương tích cho bà H và đập phá đồ đạc trong nhà. Ông P thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày mới về nhà, không phụ giúp chăm lo cho gia đình, con cái với bà H. Bà H và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo ông P sửa đổi bản thân để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng ông P không nghe lời, không hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn xác định vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn dù được Tòa án triệu tập nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông P không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ và được chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/01/1991 và Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/4/1993. Cháu H1 và cháu N đã trưởng thành trên 18 tuổi, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông P cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng P về việc “tranh chấp ly hôn”; bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trọng P.

2. Về con chung: Đã trưởng thành trên 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2021/0005371 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã N, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thế Thị Ngọc Anh